TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST Ngày 02-06-2023 V/v Ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình; địa chỉ liên hệ: Số 24, Tổ 27, Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thúy P, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 24, Tổ 27, Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Đỗ Thị Thúy P là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết

hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 10/12/2020 tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng qua một thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, vợ chồng tự hòa giải những mâu thuẫn trong gia đình, đã cố gắng hàn gắn, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể giải quyết được, hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm nay.

Vì vậy, ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đỗ Thị Thúy P.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh Đ có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

2. Bị đơn bà Đỗ Thị Thúy P trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thúy P và ông Nguyễn Minh Đ tự nguyện chung sống và kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, ngày 10/12/2020, tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Qúa trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc, thường hay cải vã, bất đồng quan điểm. Hiện nay bà P và ông Đ không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân, nay ông Đ yêu cầu ly hôn thì bà P đồng ý ly hôn.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đỗ Thị Thúy P có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ, bà Đỗ Thị Thúy P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ đối với bị đơn bà Đỗ Thị Thúy P về việc "Ly hôn".

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 21 tháng 04 năm 2023, ông Nguyễn Minh Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Thúy P. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện về việc ly hôn, đối với bà Đỗ Thị Thúy P, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Đỗ Thị Thúy P đang cư trú tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ, bà Đỗ Thị Thúy P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Minh Đ và bà Đỗ Thị Thúy P chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 10/12/2020 tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa ông Đ và bà P là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 8,9 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa ông Đ và bà P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay ông Đ yêu cầu ly hôn với bà P vì lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.

Qúa trình tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập ông Đ, bà P để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ, bà P đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và từ chối hòa giải điều này chứng tỏ ông Đ và bà P không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Việc ông Đ và bà P không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Qua xác minh tại địa phương nơi ông Đ, bà P cư trú cho biết: Ông Đ và bà P là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng ông Đ và bà P có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ.

Ông Đ xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không, vợ chồng không thể nào có cơ hội hàn gắn và bà P cũng thống nhất ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa ông Đ và bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà P là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh Đ đối với bà Đỗ Thị Thúy P.

[2.2]. Về con chung: Qúa trình chung sống ông Đ và bà P không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ về việc "Ly hôn" đối với bị đơn bà Đỗ Thị Thúy P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Đỗ Thị Thúy P.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002807, ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga